| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 113/2022/QĐST-HNGĐ | *Thuận An, ngày 12 tháng 4 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Người yêu cầu: Ông Trần Văn M1, sinh năm 1988; HKTT: Thôn Thái Dương Hạ B, xã Hải D, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Bà Đỗ Diễm M2, sinh năm 1993; HKTT: Ấp 23, xã Phong T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: 5/KDC1, Tổ 6, khu phố Bình P B, phường Bình C, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 17/8/2015. Ông M1 và bà M2 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông M1 và bà M2 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 có 01 con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 19/4/2016. Ông M1 và bà M2 thống nhất giao con chung cho và Đỗ Diễm M2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn M1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể Thảo sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 19/4/2016 cho bà Đỗ Diễm M2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn M1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn M1 và bà Đỗ Diễm M2 mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002122 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Phong T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Châu Thị Hoài Phương**